

Bản án số: 101/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27/5/2026

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

2. Bà **Lê Thanh Thuỷ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Thăng**- Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026, về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2026/QĐXX-ST, ngày 11 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Danh Thị Cẩm L**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, phường TC, tỉnh A.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 17, khu phố Minh An, xã CT, tỉnh A.

(Bà Linh, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Danh Thị Cẩm L** trình bày:**

Vào năm 2002 bà **Danh Thị Cẩm L** và ông **Nguyễn Thành T** sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc và có 03 người con chung: **Nguyễn Ngọc D**, sinh ngày 13/7/2003; **Nguyễn Thành T1**, sinh ngày 09/3/2005 và **Nguyễn Thành T2**, sinh ngày 30/3/2007.

Thời gian sau thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do kinh tế trong gia đình, hai vợ chồng không hoà hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau làm ảnh hưởng đến con cái trong gia đình, do đó hiện nay bà L và ông T đã ly thân từ khoảng 15 năm nay. Từ đó cho thấy trong cuộc sống tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể nào hàn gắn được, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà L yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Danh Thị Cẩm L và ông Nguyễn Thành T

- Về con chung: Các con: Nguyễn Ngọc Duyên, sinh ngày 13/7/2003; Nguyễn Thành Tín, sinh ngày 09/3/2005 và Nguyễn Thành Tấn, sinh ngày 30/3/2007 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:***

Ông Nguyễn Thành T thống nhất với lời trình bày của bà Danh Thị Cẩm L có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Thành T và bà Danh Thị Cẩm L.

- Về con chung: Các con: Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 13/7/2003; Nguyễn Thành T1, sinh ngày 09/3/2005 và Nguyễn Thành T2, sinh ngày 30/3/2007 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Danh Thị Cẩm L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành T nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp ly hôn*”, đồng thời bị đơn ông Nguyễn Thành T có nơi cư trú tại ấp khu phố Minh An, xã CT, tỉnh A nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3,

tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Danh Thị Cẩm L và bị đơn ông Nguyễn Thành T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T đều xác định vào năm 2002 bà L và ông T chung sống vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy bà L và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc với nhau trong một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn và ông bà đã ly thân từ khoảng 15 năm nay. Như vậy, việc bà L và ông T chung sống với nhau trong thời gian khá dài mà không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Bởi theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định:

“1. Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”

Như vậy việc bà L và ông T chung sống với nhau như vợ chồng không được pháp luật công nhận. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa bà Danh Thị Cẩm L và ông Nguyễn Thành T.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Bà L và ông T đều xác định ông bà có 03 người con chung gồm: Nguyễn Ngọc D sinh ngày 13/7/2003; Nguyễn Thành T1, sinh ngày 09/3/2005 và Nguyễn Thành T2n, sinh ngày 30/3/2007, nay đều đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T xác định trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung và ông bà cam kết trong quá trình chung sống ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Danh Thị Cẩm L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; tiết b Mục 2 của Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc hội định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Danh Thị Cẩm L về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Danh Thị Cẩm L và ông Nguyễn Thành T.

2. Về việc nuôi con chung: Bà L và ông T đều xác định ông bà có 03 người con chung gồm: Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 13/7/2003; Nguyễn Thành T1, sinh ngày 09/3/2005 và Nguyễn Thành T2, sinh ngày 30/3/2007, nay đều đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Danh Thị Cẩm L và ông Nguyễn Thành T xác định không có tài sản chung và cam kết trong quá trình chung sống không có nợ chung, nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Danh Thị Cẩm L phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 302771 ngày 11/3/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3, tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 3;
- Phòng THADS Khu vực 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Phạm Ngọc Khánh